

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HS-ST
Ngày: 27/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh
2. Ông Bò Quốc Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Võ Chí C (tên gọi khác: C1), sinh năm 1995 tại Bình Dương; thường trú: Ấp B, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn D, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1976; có vợ tên Nguyễn Thị K, sinh năm 1997; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/6/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn N1, sinh năm 1990 tại Bình Dương; thường trú: Ấp B, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 4/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K1 (đã chết) và bà Võ Thị T, sinh năm 1963; có vợ tên Nguyễn Thị S, sinh năm 1993; có 02 người con cùng sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/6/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Chí H (Tên gọi khác: T1), sinh năm 2001 tại Bình Dương; thường trú: Ấp Đ, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 01/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H1, sinh năm 1970 và bà Võ Thị M, sinh năm 1975; bị cáo

chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/6/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Minh T2 (Tên gọi khác: M1), sinh năm 1991 tại Đồng Tháp; thường trú: Ấp H, xã N, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Ấp B, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M2, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/6/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có đơn xin vắng mặt.

5. Trần Minh P, sinh năm 1995 tại Long An; thường trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An; tạm trú: Ấp B, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 02/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Bé S1, sinh năm 1965 và bà Trần Thị P1, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/6/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Đoàn Minh H2, sinh năm 1995 tại Bình Dương; thường trú: Ấp Đ, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ hớt tóc; trình độ học vấn: Lớp 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn H3, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1973; có vợ tên: Phạm Phương T3, sinh năm 1999; có 01 người con, sinh năm 2019 và sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; ngày 29/6/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa của bị cáo Bùi Chí H*: Luật sư Thái Thanh H3 - Văn phòng Luật sư Thái Thanh H3 thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị Cẩm H4, sinh năm 1977; thường trú: Ấp B, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Trương Văn A, sinh năm 1997; thường trú: Ấp B, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Nhật L1, sinh năm 1993; thường trú: Ấp H, xã N, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1993; thường trú: Ấp B, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Chí C (C1), Bùi Chí H (T1), Lê Văn N1, Đoàn Minh H2, Phạm Minh T2 (M1) và Trần Minh P là bạn quen biết nhau. Khoảng 23 giờ ngày 30/9/2020 C, H, N1, H2, T2 và P cùng nhau ngồi ăn, uống rượu tại quán nướng thuộc ấp Đ, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Trong lúc ngồi ăn uống C kể lại chuyện mâu thuẫn trước đây C và N1 bị Trương Văn A (T3) đập phá xe mô tô của C và N1. C rủ tất cả cùng đi đến nhà của A để tìm A giải quyết mâu thuẫn, thì tất cả đều đồng ý. Lúc này, C kêu H chạy về chuồng gà nhà của C thuộc Ấp B, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để lấy 01 con dao bằng kim loại và 01 cái cưa bằng kim loại cất trong túi vải nhựa (loại túi đựng cần câu cá), H đi lấy và mang những đồ vật này quay lại quán nướng. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 01/10/2020, sau khi uống rượu xong, N1 điều

khiến xe mô tô nhãn hiệu Winner biển số 61N1-139.05 chở C, H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vario biển số 61N1-149.45 chở P, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 66F1-750.47 chở T2 từ quán nướng đến nhà bà Nguyễn Thị Cẩm H4 (mẹ ruột của A) tại Ấp B, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Lúc này, A nhìn thấy nhóm của C đến nên thách thức rồi bỏ chạy vào trong nhà. C và N1 thay phiên nhau cầm dao, T2 cầm cưa, P lấy ghế nhựa còn H nhặt đá đi vào nhà bà H4 đập phá xe mô tô biển số 61N1-046.56 và xe mô tô biển số 61F9-0236, đập bể 02 tấm kính loại 0,5mm của cửa kính phía trước nhà và 02 ghế nhựa, còn H2 chỉ đứng bên ngoài không vào trong nhà đập phá. Lúc này, bà H4 đang ở trong phòng ngủ trong nhà đi ra tri hô nên cả nhóm dừng lại rồi lên xe bỏ đi. Sau đó, bà H4 đã đến trình báo sự việc tại Công an xã B.

Tang vật thu giữ như sau: 01 xe mô tô biển số 61N1-046.56 số máy: 5C6K241065, số khung: C6K0FY241058; 01 xe mô tô biển số 61F9-0236 số máy: 189991, số khung: 30000386; 01 con dao tự chế có cán dao bằng nhựa dài 13cm, lưỡi bằng kim loại dài 37cm; 01 cưa cầm tay, phần lưỡi bằng kim loại kích thước 40x4,5cm và cán nhựa màu đen kích thước 21x3,5cm; 01 cục đá dạng hình vuông có kích thước 30x30x10cm; 01 túi bằng vải màu xanh đen trên túi có chữ SHIMANO; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xám, nhãn hiệu OPPO và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Võ Chí C; 01 xe mô tô biển số 61N1-149.45, số máy: KF41E1805943, số khung: 4118KK803355, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1-149.45 và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Chí H; 01 xe mô tô biển số 61N1-139.05, số máy: KC26E1272201, số khung: 2600KY207253, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1-139.05 và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn N1; 01 xe mô tô biển số 66F1-750.47, số máy: G3D4E567309, số khung: 0610HY543785, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66F1-750.47, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Minh T2 và 01 điện thoại di động hiệu Master màu trắng xanh; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng của Trần Minh P.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 119/KLHD-ĐGTS ngày 17/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Tân Uyên định giá tài sản thiệt hại gồm: phần hư hỏng của 02 xe mô tô biển số 61F9-0236 và 61N1-046.56; 02 tấm kính diện tích 2,8m² và 02 ghế nhựa có tổng giá trị là 5.612.000 đồng.

Ngày 03/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2 và Trần Minh P để điều tra về tội Hủy hoại tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Ngày 22/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đoàn Minh H2 để điều tra về tội Hủy hoại tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Ngày 02/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã có quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P và Đoàn Minh H2 từ tội Hủy hoại tài sản sang tội Cố ý làm hư hỏng tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra bị hại Nguyễn Thị Cẩm H4 xác định các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 5.612.000 đồng và bà H4 đã nhận lại 02 xe mô tô biển số 61F9-0236 và 61N1-046.56. Bà H4 không có yêu cầu nào khác đồng thời xin bãi nại cho các bị cáo.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Văn A xác định khoảng 5 tháng trước A có mâu thuẫn với N1 và trước đó A đã có hành vi đập phá xe của N1 nên ngày 01/10/2020 các bị cáo đã đến nhà A để đập phá tài sản. Đây là tài sản của mẹ A nên A không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhật L1 trình bày: Ông L1 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 66F1-750.47, số máy: G3D4E567309, số khung: 0610HY543785. Ông Nguyễn Nhật L1 cho Phạm Minh T2 mượn xe mô tô này để sử dụng, việc Thành sử dụng xe mô tô này để đi đập phá tài sản của người khác thì ông L1 không biết. Ngày 16/3/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 13 trả lại xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên cho ông L1. Vì vậy, ông L1 không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị S khai: Bà Nguyễn Thị S là vợ của bị cáo Lê Văn N1. Xe mô tô biển số 61N1-139.05, số máy: KC26E1272201, số khung: 2600KY207253 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1-139.05 do Lê Văn N1 đứng tên chủ sở hữu. Đây là tài sản chung của N1 và bà Nguyễn Thị S (vợ của N1). Ngày 01/10/2020, N1 sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì bà S không biết. Bà S xin nhận lại xe và đồng ý nộp $\frac{1}{2}$ (một nửa) giá trị xe mô tô để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKS-BTU, ngày 27/5/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã truy tố các bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P và Đoàn Minh H2 về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án mà Viện Kiểm sát đã đề cập trong bản cáo trạng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 và khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P, Đoàn Minh H2 từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 con dao tự chế có cán dao bằng nhựa dài 13cm, lưỡi bằng kim loại dài 37cm; 01 cưa cầm tay, phần lưỡi bằng kim loại kích thước 40x4,5cm và cán nhựa màu đen kích thước 21x3,5cm; 01 cục đá dạng hình vuông có kích thước 30x30x10cm; 01 túi bằng vải màu xanh đen trên túi có chữ SHIMANO. Đây là vật dụng các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số 61N1-149.45, số máy: KF41E1805943, số khung: 4118KK803355 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1-149.45 do Bùi

Chí H đứng tên chủ sở hữu. Ngày 01/10/2020, Hữu sử dụng xe mô tô này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với xe mô tô biển số 61N1-139.05, số máy: KC26E1272201, số khung: 2600KY207253 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1-139.05 do Lê Văn N1 đứng tên chủ sở hữu. Đây là tài sản chung của N1 và bà Nguyễn Thị S (vợ của N1). Ngày 01/10/2020, N1 sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì chị Sang không biết. Do đó, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ (một nửa) giá trị xe mô tô và trả lại cho bà S $\frac{1}{2}$ (một nửa) giá trị xe mô tô trên.

Đối với các đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên ra quyết định xử lý đồ vật tài liệu cho các bị cáo và những người liên quan nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Bùi Chí H tranh luận:

Người bào chữa thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và mức án mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo Bùi Chí H.

Tuy nhiên, người bào chữa không đồng ý việc tịch thu sung ngân sách Nhà nước xe mô tô biển số 61N1-149.45 do Bùi Chí H đứng tên chủ sở hữu vì:

+ Các bị cáo đều xác nhận xe mô tô này được các bị cáo điều khiển để đến nhà bà H4. Khi đến nhà bà H4 các bị cáo không dùng xe này để đập phá hay tung vào xe của bà H4 mà để ở ngoài đường.

+ Xe này không được xác định là phương tiện phạm tội vì các bị cáo đã dùng gạch, dùng dao tự chế, lưỡi cưa để làm hư hỏng tài sản của bà H4.

Đối chiếu với văn bản 05/TB-VC3-V1 ngày 28/02/2019 của Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì đây không phải là phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả xe này lại cho bị cáo Bùi Chí H.

Bị cáo Bùi Chí H thống nhất với lời tranh luận của người bào chữa và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tranh luận đối đáp vẫn giữ nguyên quan điểm về xử lý vật chứng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người bào chữa cho bị cáo H.

Các bị cáo xác định việc Viện Kiểm sát đề nghị kết tội các bị cáo về hành vi đánh bạc là đúng là người, đúng tội. Các bị cáo không tranh luận gì đối với Viện Kiểm sát về mức hình phạt đã đề nghị và xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp. Trong lời nói sau cùng, bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Trần Minh P và Đoàn Minh H2 đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của bị hại Nguyễn Thị Cẩm H4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn A, Nguyễn Nhật L1, Nguyễn Thị S nhưng trong giai đoạn điều tra, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, yêu cầu cụ thể, bà H4 và bà S đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Trần Minh P và Đoàn Minh H2 đã lần lượt khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo Phạm Minh T2 xin vắng mặt nhưng lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng phù hợp với lời khai của các bị cáo khác tại phiên tòa. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại Nguyễn Thị Cẩm H4 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trương Văn A, Nguyễn Nhật L1, Nguyễn Thị S và trùng khớp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi C1ng bị can, bản kết luận định giá cùng những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 01/10/2020 tại nhà của bà Nguyễn Thị Cẩm H4 thuộc Ấp B, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2 và Trần Minh P đã có hành vi dùng dao tự chế, cưa tay, ghế nhựa và đá đập gây hư hỏng 02 xe mô tô biển số 61F9-0236 và 61N1-046.56; 02 tấm kính diện tích 2,8m² và 02 ghế nhựa có tổng giá trị thiệt hại là 5.612.000 đồng. Mục đích đập phá tài sản theo các bị cáo khai do xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân trước đó giữa Võ Chí C, Lê Văn N1 với Trương Văn A. Hành vi đập phá xe mô tô của người khác gây thiệt hại của các bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đoàn Minh H2 không trực tiếp tham gia đập phá tài sản nhưng H2 đã cùng C, H, N1, T2 và P bàn bạc, đồng ý chờ P đi cùng cả nhóm đến để đập phá tài sản.

Các bị cáo đều có đủ N1 lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên truy tố các bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P và Đoàn Minh H2 với tội danh “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì sự nóng nảy, bức tức từ sự mâu thuẫn nhỏ nhất trước đó giữa bị cáo Công, N1 và con bị hại Hằng nhưng các bị cáo đã uống rượu, bia thiếu kiểm chế bản thân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo Võ Chí C là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất, là người chủ động đề xướng, khơi gợi mâu thuẫn trước đó giữa bị cáo với Trương Văn A để lôi kéo, xúi giục các bị cáo Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P thực hiện hành vi dùng vật cứng, sắc nhọn đập phá tài sản của người khác gây hư hỏng. Bị cáo Bùi Chí H là người chuẩn bị công cụ và thực hiện hành vi phạm tội tích cực.

Các bị cáo, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P và bị cáo Đoàn Minh H2 dù không quen biết, không mâu thuẫn gì với Trương Văn A nhưng khi được bị cáo C đề xuất, rủ rê đập phá tài sản là xe mô tô của người khác, các bị cáo không suy nghĩ đến hành vi đó là vi phạm pháp luật mà đã đồng ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo H, T2, P thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi đập phá tài sản cùng với bị cáo Công và N1 (người thực hành). Đoàn Minh H2 không thực hiện hành vi trực tiếp nhưng đã chở bị cáo Phương đến nơi gây án. Do vậy khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét áp dụng hình phạt thật nghiêm đối với các bị cáo N1, H, T2, P nhưng thấp hơn mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo C mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra và cũng mục đích của việc cá thể hóa hình phạt trong vụ án có đồng phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Cả 06 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Cả 06 bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành thật khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại tài sản cho bị hại và bị hại Hằng đã có đơn xin bãi nại cho cả 06 bị cáo. Bị cáo N1 còn có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả 06 bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P và Đoàn Minh H2 để giảm một phần hình phạt đối với 06 bị cáo nói trên.

[6] Xét thấy các bị cáo đều có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong một thời gian nhất định cũng đảm bảo được tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 con dao tự chế có cán dao bằng nhựa dài 13cm, lưỡi bằng kim loại dài 37cm; 01 cưa cầm tay, phần lưỡi bằng kim loại kích thước 40x4,5cm và cán nhựa màu đen kích thước 21x3,5cm; 01 cục đá dạng hình vuông có kích thước 30x30x10cm; 01 túi bằng vải màu xanh đen trên túi có chữ SHIMANO. Đây là vật dụng các bị can sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, hiện nay không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số 61N1-149.45, số máy: KF41E1805943, số khung: 4118KK803355 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1-149.45 do Bùi Chí H đứng tên chủ sở hữu. Ngày 01/10/2020, H sử dụng xe mô tô này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Lờ trình bày của người bào chữa về việc xử lý vật chứng đối với xe này là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với xe mô tô biển số 61N1-139.05, số máy: KC26E1272201, số khung: 2600KY207253 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1-139.05 do Lê Văn N1 đứng tên chủ sở hữu. Đây là tài sản chung của N1 và bà Nguyễn Thị S (vợ của N1). Ngày 01/10/2020, N1 sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì bà S không biết. Do đó, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ (một nửa) giá trị xe mô tô và trả lại cho bà S $\frac{1}{2}$ (một nửa) giá trị xe mô tô trên.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nào khác nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 106, 135, 136, 268, 269, 298, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điểm 17, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017
- Các điều 2, 4, 5, 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự
- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P và Đoàn Minh H2 phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Võ Chí C 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27 tháng 9 năm 2021).
- Xử phạt bị cáo Bùi Chí H 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27 tháng 9 năm 2021).
- Xử phạt bị cáo Lê Văn N1 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27 tháng 9 năm 2021).
- Xử phạt bị cáo Phạm Minh T2 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27 tháng 9 năm 2021).
- Xử phạt bị cáo Trần Minh P 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27 tháng 9 năm 2021).
- Xử phạt bị cáo Đoàn Minh H2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27 tháng 9 năm 2021).

Giao các bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P và Đoàn Minh H2 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P và Đoàn Minh H2 có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao tự chế có cán dao bằng nhựa dài 13cm, lưỡi bằng kim loại dài 37cm đã qua sử dụng;

+ 01 cưa cầm tay, phần lưỡi bằng kim loại kích thước (40x4,5cm) và cán nhựa màu đen kích thước (21x3,5cm);

+ 01 cục đá dạng hình vuông có kích thước (30x30x10)cm;

+ 01 túi bằng vải màu xanh đen trên túi có chữ SHIMANO.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô biển số 61N1-149.45, số máy: KF41E1805943, số khung: 4118KK803355 nhãn hiệu Honda Vario, màu đen, dung tích: 150, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng máy và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61N1-149.45 mang tên Bùi Chí H.

- Tịch thu sung quỹ sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô biển số 61N1-139.05, số máy: KC26E1272201, số khung: 2600KY207253, nhãn hiệu Honda Winner, màu đen vàng đồng, dung tích 149, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng máy và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61N1-139.05 mang tên Lê Văn N1 và trả lại cho bà Nguyễn Thị S $\frac{1}{2}$ giá trị xe.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/4/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên với Công an huyện Bắc Tân Uyên).

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Võ Chí C, Bùi Chí H, Lê Văn N1, Phạm Minh T2, Trần Minh P và Đoàn Minh H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Thị Hiền

- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Công an huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.